TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 6 năm 2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VINH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Phương

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Hường, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Đ, sinh năm 1972, (có mặt)

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1968, (có mặt)

Đều cư trú: thôn Y, xã Q, huyện S, Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2018, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị Đ trình bày:

Chị kết hôn với anh Hoàng Văn T ngày 05/8/1990 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về làm ăn chung sống với gia đình anh T ngay. Vợ chồng ở chung được 10 tháng thì ra ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống không hợp nhau thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn vì anh T đánh đập, sỉ nhục chị và gia đình chị. Đến đầu thàng 3/2018 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Hai bên gia đình không giàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con Hoàng Thị Thúy Đ, sinh ngày 04/4/1997, Hoàng Ngọc T, sinh ngày 01/02/2000. Hiện các cháu đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị Đ trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng mâu thuẫn cãi nhau. Đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do chị Đ đòi anh đi nước ngoài anh không cho đi sau đó chị Đ trốn đi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Đến tháng 3/2018 do vợ chồng mâu thuẫn chị Đ về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng cắt đứt quan hệ từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình có giàn xếp nhưng chị Đ không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con như chị Đ trình bày là đúng. Hiện các cháu đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung ,tài sản riêng, công nợ và công sức: anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Qua xác minh địa phương UBND xã Q chị Đ và anh T kết hôn năm 1990 tại UBND xã Q, khi cưới được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị Đ về làm ăn chung sống với gia đình anh T ngay. Đến năm 2010 chị Đ đi xuất khẩu lao động tại Malaisia đến năm 2017 chị Đ về nước. Sau khi chị Đ về nước vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi chửi và đánh nhau nhưng không thấy anh chị trình báo gì với chính quyền địa phương. Nay chị Đ xin ly hôn anh T địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung vợ chồng có hai con chung hiện đã trưởng thành đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ, công sức địa phương không biết anh chị có gì.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Đ và xử cho chị Đ được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Đ và anh Hoàng Văn T là hôn nhân hợp pháp tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện S. Quá trình vợ chồng chung sống theo chị Đ quá trình vợ chồng chung sống không hợp nhau thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn vì anh T đánh đập, sỉ nhục chị và gia đình chị. Hai bên gia đình không giàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T. Theo anh T vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng mâu thuẫn cãi nhau. Đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do chị Đ đòi anh đi nước ngoài anh không cho đi sau đó chị Đ trốn đi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Đến tháng 3/2018 do vợ chồng mâu thuẫn chị Đ về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng cắt đứt quan hệ từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình có giàn xếp nhưng chị Đ không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống. Việc anh T xin đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống nhưng anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Đ xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con Hoàng Thị Thúy Đ, sinh ngày 04/4/1997, Hoàng Ngọc T, sinh ngày 01/02/2000. Hiện các cháu đã trưởng thành chị Đ, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị Đ, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Đ được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2014/0004711 ngày 12/4/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THA DS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã Quang Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ